

CHƯƠNG TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CÔNG NGHỆ CẤP NHÀ NƯỚC KX04

Đề tài: KX04.04.

Nhánh: Đánh giá hiện trạng việc làm.

BÁO CÁO TỔNG HỢP
ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG VIỆC LÀM
Ở VIỆT NAM

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU KINH TẾ
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
0896 - 3/8
CÔNG TÁC NGHIÊN CỨU

Hà Nội, tháng 6 - 1994.

TRƯỜNG TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
ĐỀ TÀI CẤP NHÀ NƯỚC KX 04.04

BÁO CÁO THỰC NGHIỆM
ĐỀ TÀI NHÁNH :
ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG VIỆC LÀM Ở VIỆT-NAM

Ban Chủ nhiệm :

1. Chủ nhiệm : PTS. Kinh tế Phạm-Kiên-Cường
Phó Vụ trưởng Vụ Chính sách LĐ và VL
2. Thư ký : KS. Kinh tế Vũ-thị-Hiếu
C/viên Vụ Bảo trợ xã hội
3. Thành viên : PTS. Kinh tế Lê-dăng-Giang
Chuyên viên Trung tâm N/cứu DS
và nguồn lao động .
KS. Kinh tế Phạm-xuân-Kỳ
C/viên Vụ Lao động - DS
Tổng cục Thống kê
PTS. Kinh tế Phạm-quý-Thọ
Giáo viên Đại học KTQD - Hà nội

II) ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO TỔNG QUAN

- II/Đôi nói

- Chương I : MỘT SỐ KHÁI NIỆM VÀ KINH NGHIỆM THẾ GIỚI TRONG LĨNH VỰC VIỆC LÀM

I . KHÁI NIỆM CHUNG

II . HỆ THỐNG KHÁI NIỆM và NHỮNG SỰ CHỮA THỐNG NHẤT

- Chương II PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG VIỆC LÀM Ở NƯỚC TA :

1- Ý nghĩa

2- Mục tiêu

3- Các khái niệm làm cơ sở của phương pháp

4- Phương pháp tính

a- Công thức tính

b- Phương pháp xác định

c- So sánh ứng dụng

- Chương III THỰC TRẠNG VẤN ĐỀ LAO ĐỘNG VÀ VIỆC LÀM Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

I . ĐÁNH GIÁ TỔNG QUÁT THỰC TRẠNG NGUỒN LAO ĐỘNG VÀ VIỆC LÀM

I.2- Thực trạng nguồn lao động

I.1.1- Về số lượng

I.1.2- Về chất lượng của nguồn lao động

I.1.3- Về phân bố nguồn lao động theo vùng và theo khu vực .

I.2- Hiện trạng về việc làm

I.2.1- Đánh giá hiện trạng việc làm về mặt cơ cấu lao động .

I.2.2- Đánh giá hiện trạng việc làm về mặt quy mô việc làm .

- I.2.3- Đánh giá hiện trạng việc làm theo các thành phần kinh tế
- I.2.4- Đánh giá hiện trạng việc làm theo các ngành kinh tế
- I.2.5- Đánh giá hiện trạng việc làm theo khu vực thành thị và nông thôn .
- I.2.6- Đánh giá hiện trạng việc làm theo vùng kinh tế

II- NHỮNG MẪU THUẬN CHỦ YẾU VÀ NGUYÊN NHÂN
CUA HIỆN TRẠNG VIỆC LÀM

III- XU THẾ VẬN ĐỘNG VÀ NHỮNG MÔ HÌNH MỚI VỀ GIẢI
VIỆC LÀM TRONG ĐIỀU KIỆN CHUYỂN SANG NỀN KINH
TẾ THỊ TRƯỜNG :

- III.1- Xu hướng vận động của nguồn lao động và việc làm
- III.1-1- Xu hướng vận động chung trong điều kiện thị trường
- III.2- Xu hướng vận động của dân số và nguồn lao động
- III.2- Những mô hình mới giải quyết việc làm trong điều kiện
chuyển sang nền kinh tế thị trường :
 - 1- Mô hình việc làm trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài .
 - 2- Mô hình việc làm kinh tế hộ gia đình
 - 3- Mô hình việc làm theo các Hội, Hiệp hội
 - 4- Mô hình việc làm theo các dự án nhỏ
 - 5- Mô hình việc làm theo chương trình
 - 6- Mô hình việc làm thông qua việc phát triển các doanh nghiệp nhỏ .
 - 7- Mô hình việc làm tại nhà
 - 8- Mô hình việc làm đối với các đối tượng đặc thù .

PHẦN PHỤ LỤC

Gồm các biểu dự báo về dân số, nguồn lao động và phân bổ việc làm .

/ X Ò ĐÀU

—Tiện trạng việc làm của lao động xã hội đã và đang là vấn đề kinh tế xã hội - chính trị phức tạp và gay gắt ở nước ta, được các cấp, các ngành, các tổ chức đoàn thể và toàn xã hội đặc biệt quan tâm. Nhiều chủ trương, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước ở cả tầm vĩ mô và vi mô đều xuất phát từ đây nhằm giải quyết vấn đề bức xúc về việc làm, đặc biệt trong giai đoạn hiện nay khi nền kinh tế nước ta vốn từ một nền kinh tế chỉ huy đang chuyển mạnh sang nền kinh tế thị trường theo định hướng của Nhà nước.

Quá độ từ nền kinh tế chỉ huy chuyển sang nền kinh tế thị trường (cho dù theo định hướng XHCN), chịu sự tác động chung của cơ chế thị trường. Thị trường lao động nước ta đang diễn ra một cách sôi động và hết sức phức tạp ở mọi khu vực và ở mọi thành phần kinh tế, ở cả phạm vi không gian lẫn thời gian, bởi những yếu tố khách quan (Các quy luật của nền kinh tế thị trường) và chủ quan (các chủ trương, biện pháp mới của Đảng và Nhà nước). Hàng loạt các xí nghiệp quốc doanh, hàng ngàn các hợp tác xã và tổ hợp sản xuất do làm ăn thua lỗ không đứng vững được trên thị trường phải đóng cửa hoặc phải thu hẹp quy mô sản xuất dẫn đến hàng vạn lao động mất chỗ làm việc; Việc tinh giản bộ máy quản lý hành chính và làm gọn nhẹ các cơ quan sự nghiệp cũng có hàng vạn lao động dôi ra; Diễn biến hòa bình trong khu vực cho phép hạn chế số quân thường trực nên hàng năm giảm mạnh số lượng tuyển quân và gia tăng số lượng ra quân; Riêng lực lượng này hàng năm bổ sung vào thị trường lao động cũng hàng vạn người; Khủng hoảng kinh tế - chính trị ở Đông Âu và Trung Đông nên không những số lượng lao động dôi ra đi làm việc ở nước ngoài những năm gần đây không đáng kể mà lại có hàng vạn lao động phải về nước trong khi chưa kết thúc hợp đồng; Những thay đổi trong cơ chế đào tạo và giáo dục phổ thông, những năm gần đây những học sinh phổ thông đến tuổi lao động thôi bỏ học do không đủ điều kiện để học tiếp và số đã tốt nghiệp các trường chuyên nghiệp không thể phân công được

vì không có nhu cầu cũng hàng vạn người; Chủ trương tái hòa nhập vào cộng đồng những người di di tản cũng bổ sung trở lại thị trường một lực lượng lao động đáng kể v.v. Lực lượng trên cộng với số hàng triệu người hàng năm bước vào độ tuổi lao động khiến cho nhu cầu về việc làm ở nước ta vốn đã căng thẳng lại càng căng thẳng và bức bách .

Tuy nhiên, do sự vận động theo cơ chế thị trường, với những quan niệm mới về việc làm và những chủ trương chính sách có tính chất cởi mở của Đảng và Nhà nước ta đã tạo ra hàng triệu chỗ làm việc mới ở các lĩnh vực như : Phát triển mạnh các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh(kể cả các hình thức kinh doanh dịch vụ) ; Khuyến khích các nhà doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư sản xuất, mở mang kỹ nghệ để tạo ra nhiều chỗ làm việc mới ; Khuyến khích phát triển kinh tế hộ gia đình và những mô hình tổ chức sản xuất kinh doanh mới ở khu vực kinh tế không kết cấu ; Đầu tư một lượng vốn đáng kể để trợ giúp hoặc cho vay khởi động đối với việc di dân đi xây dựng các vùng kinh tế mới hay thực hiện các dự án nhỏ ; Tạo những điều kiện cần thiết để hình thành và phát triển các khu chế xuất ; Hỗ trợ về tài chính cũng như việc áp dụng các chính sách ưu đãi đối với những vùng chuyên canh tập trung v.v.. Trong mỗi hình thức trên đã thu hút được hàng vạn lao động mới vào làm việc .

Tóm lại, việc chuyển sang nền kinh tế thị trường, nguồn lao động và việc làm ở nước ta đang có sự vận động, phân bố và sắp xếp lại với sự điều tiết khách quan của cơ chế thị trường theo định hướng XHCN và theo những chủ trương, chính sách và biện pháp mới của Đảng và Nhà nước .

Việc chuyển từ nền kinh tế chỉ huy sang nền kinh tế thị trường ở nước ta là một đòi hỏi khách quan, song nền kinh tế thị trường ở nước ta không phải là nền kinh tế thị trường thuần túy, tự phát và tự do cạnh tranh mà là một nền kinh tế thị trường phát triển theo định hướng XHCN, tức là Nhà nước đóng vai trò tích cực trong sự điều tiết cơ chế vận hành bằng các chủ trương, chính sách, biện pháp nhằm không những định hướng phát triển nền kinh tế mà còn phát huy tối đa tính tích

cực (tính ưu việt) và hạn chế những tiêu cực của nền kinh tế thị trường. Vì lẽ đó, đòi hỏi khách quan phải có sự đánh giá hiện trạng việc làm, làm cơ sở cho việc xây dựng hệ thống quan diêm và hàng loạt các chủ trương, chính sách, biện pháp thích hợp cho từng thời kỳ nhất định.

Tính khả thi của phương hướng, hình thức và biện pháp sử dụng nguồn lao động và giải quyết việc làm cũng như các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước chung quanh vấn đề này phụ thuộc vào việc nó được soạn thảo có được dựa trên cơ sở đánh giá hiện trạng việc làm có sát thực hay không? Có xuất phát từ các quy luật và tính quy luật vận động của lao động và việc làm hay không? Bởi vậy, vấn đề đánh giá hiện trạng việc làm cũng như việc phát hiện các quy luật và tính quy luật của nó có ý nghĩa làm nền cho việc xây dựng hệ thống quan diêm chủ trương phương hướng và biện pháp giải quyết việc làm ở nước ta

- Hiện trạng việc làm là một phạm trù phản ánh trạng thái động, sự vận động của việc làm gắn liền với sự vận động của nền kinh tế. Trong điều kiện đổi mới của nền kinh tế nước ta hiện nay, muốn có được bức tranh tổng quan về việc làm sát thực, cần thiết phải có sự đầu tư nghiên cứu đánh giá hiện trạng việc làm, có như vậy mới đáp ứng được yêu cầu xây dựng một hệ thống quan diêm, chủ trương, phương hướng và biện pháp giải quyết việc làm thích hợp với giai đoạn cách mạng nước ta hiện nay.

Chương I

Y(ỚT SỐ KHÁI NIỆM VÀ KINH NGHIỆM THẾ GIỚI
TRONG LINH VỰC VIỆC LÀM

I- I) KHÁI QUÁT CHUNG :

Phát triển nguồn nhân lực là đỉnh cao nhất, là mục tiêu cuối cùng của mọi quá trình phát triển. Để thực hiện mục tiêu ấy, cần có một hệ thống đồng bộ nhiều giải pháp kinh tế, xã hội chính trị. Tuy nhiên, về lý luận cũng như thực tiễn đều cho thấy : tạo mở việc làm là một giải pháp hàng đầu, một mặt làm ra của cải vật chất và tinh thần cho xã hội ; mặt khác là điều kiện có tính quyết định giúp cho con người tồn tại, hình thành và phát triển nhân cách, hòa nhập với cộng đồng. Việc làm cho mỗi người còn giúp họ nâng cao vai trò của mình trong quá trình phát triển kinh tế xã hội .

Nền kinh tế nước ta đang trong giai đoạn chuyển biến hết sức cơ bản từ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp sang cơ chế mới - cơ chế thị trường có sự điều tiết vĩ mô của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, trong đó có sự vận động của nhiều thành phần kinh tế. Nhưng nước ta cũng không tránh được một thách thức to lớn đang đặt ra trước toàn thế giới - đặc biệt với các nước đang phát triển, là những nơi có tỷ lệ tăng dân số và nguồn lao động cao. Đó là sự căng thẳng về việc làm, tình trạng thất nghiệp cao ở các vùng đô thị và khu công nghiệp tình trạng thiếu việc làm nghiêm trọng ở các vùng nông thôn .

Có một điều lạ là đến nay, một số cơ sở sản xuất và cơ quan Nhà nước còn gặp khó khăn ; song một tỷ lệ lớn người lao động - từ người đang làm việc đến người đang đi tìm việc - vẫn muốn xin ở lại hoặc xin gia nhập những đơn vị này . Cảnh đó, có một dòng khác , tuy yếu hơn nhưng đã xuất hiện, bao gồm một số người - đặc biệt là người có chuyên môn giỏi - sẵn sàng từ bỏ khu vực Nhà nước để tham gia các thành phần kinh tế khác

hoặc tự tạo việc làm để đạt một mức sống cao hơn .

Bên cạnh hiện tượng muốn có một việc làm ổn định suốt đời, đã xuất hiện xu thế tự do di chuyển lao động bất kể không gian và thời gian - chấp nhận sự không ổn định để đạt thu nhập cao hơn .

Có một hiện thực là , ở tầm quản lý vĩ mô, cho đến nay chưa ai, chưa cơ quan nào dám đoán chắc số lượng người thất nghiệp thực sự ở nước ta là bao nhiêu . Tất nhiên, đi kèm đó là một loạt sự thiếu chắc chắn về các thông số nguồn lao động dân số hoạt động kinh tế, v.v. và xa hơn nữa là sự thiếu chắc chắn, thiếu cơ sở khoa học cho các luận chứng trong những giải pháp việc làm, chống nghèo khổ, cứu trợ và bảo hiểm xã hội v.v.

Một nguyên nhân căn bản của hiện tượng nêu trên là chúng ta chưa hình thành được một hệ thống khái niệm đồng nhất trong lĩnh vực việc làm, dẫn đến những cách hiểu khác nhau, thậm chí mâu thuẫn nhau, gây khó khăn cho quản lý lao động xã hội trên nhiều mặt .

Trong sự vây vùng để tìm lối thoát về việc làm, nhiều nước, kể cả các quốc gia trong khu vực, đã từng có kinh nghiệm thành công cũng như thất bại. Nghiên cứu những kinh nghiệm đó để học cái hay tránh cái dở, với con mắt phân tích, phê phán chính là sự phát huy tính kế thừa trong khoa học và là một cách đi tắt góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lao động .

II- HỆ THỐNG KHÁI NIỆM VÀ NHỮNG SỰ CHỮA THỐNG NHẤT

Ở nước ta, trong giai đoạn mà Nhà nước một mình lo toan công ăn việc làm cho mỗi công dân, kể từ khâu giáo dục văn hóa chuyên môn kỹ thuật đến sắp xếp chỗ làm việc theo cách gọi là " phân bổ chỉ tiêu " về cho từng cơ sở sản xuất hoặc đơn vị hành chính sự nghiệp từ Trung ương đến địa phương thì toàn bộ các quan niệm và hệ thống khái niệm về lao động và việc làm đều chịu ảnh hưởng của cung cách bao cấp ấy .

Người ta không thừa nhận có hiện tượng thất nghiệp. Thiếu

việc làm, lao động dư thừa, việc làm không đầy đủ .. là những khái niệm xa lạ .

Các cơ sở sản xuất quốc doanh theo cách " lãi giả lỗ thật " hoặc " lãi mình hưởng, lỗ Nhà nước chịu " là một thực tế khá phổ biến .

Sự phân biệt đối xử diễn ra ngay cả với hai thành phần kinh tế cơ bản nhất : quốc doanh - tập thể đã làm nảy sinh tên gọi " con đẻ - con nuôi " , và bản thân người lao động ở các hợp tác xã tiêu thụ công nghiệp cho dù việc làm có thu nhập khá, vẫn mặc cảm với danh hiệu " xã viên " . Hình như, hướng phấn đấu của mỗi công dân là được đứng trong đội ngũ công nhân viên chức Nhà nước, cho dù có chéo ngành chéo nghề hoặc phải hy sinh một số quyền lợi cá nhân trước mắt .

Ngày nay, tình hình đã khác. Khi triển khai quỹ quốc gia giải quyết việc làm qua con đường cho vay vốn thực hiện dự án nhỏ, một trong những tiêu thức làm căn cứ để Trung ương phân bổ hạn mức vốn vay là số người thất nghiệp của mỗi địa phương. Và vì vậy, mỗi địa phương đều công bố số liệu đó của mình. Thật ra nói cho công bằng, ngay từ sau đổi mới, đã rất nhiều địa phương nhìn thẳng vào sự thật để thấy rõ thực trạng việc làm ở địa phương mình, có số liệu khá cụ thể về số người thất nghiệp để có biện pháp tháo gỡ. Nhưng ngay lúc ấy, không hiếm nơi đã lúng túng trong cách phân biệt " ai là người thất nghiệp thực sự " ? Có người gọi là có việc làm mà thu nhập không đủ sống. Có không ít người tự xưng là thất nghiệp nhưng lại thật ung dung. Ông cha ta từng nói vui " Buôn thất nghiệp lãi quan viên " là vì vậy.

Điều đó đặt ra sự cấp thiết phải xem xét lại, nghiên cứu có hệ thống để đưa ra được một số khái niệm - chỉ ít là thống nhất tạm thời - để làm chỗ dựa cho các giải pháp kinh tế - xã hội .

Đi vào sự việc mới thấy vấn đề này đã từng làm đau đầu nhiều nhà kinh tế và thống kê lao động của nhiều nước cũng như nhiều tổ chức quốc tế (Ủy ban thống kê Liên hiệp quốc, Tổ chức lao động quốc tế, Hội nghị quốc tế về thống kê lao động)

....